

Đền Cờn (phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An)



THÊM MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA ĐỀN CỜN VÀ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG ĐỀN CỜN

■ PGS.TS Nguyễn Quang Hồng, Ths Phạm Thị Hoài Thanh
Trường Đại học Vinh

1. Đền Cờn tọa lạc trong không gian địa giới hành chính làng Phương Cờn xưa, nay thuộc phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, được cha ông xưa xếp vào hàng 4 đền thờ linh thiêng nhất trong hệ thống đền miếu thờ thần ở vùng văn hóa xứ Nghệ (bao gồm cả Nghệ An, Hà Tĩnh): “Nhất Cờn, Nhì Quả, Tam Bạch Mã, Tứ Chiêu Trưng”. Khác với đền Quả Sơn ở xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương thờ Uy Minh Vương Lý Nhật Quang (?-1057) - vị quan thu thuế, tri châu Nghệ An (1039-1057) đã dành toàn bộ tài năng, tâm đức trọn đời vì

dân vì nước⁽¹⁾; đền Bạch Mã ở xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương - thờ Đại tướng quân tiên phong Phan Đà, người từng xông pha trận mạc lập nhiều chiến công, anh dũng hy sinh trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc dưới ngọn cờ khởi nghĩa của Bình Định Vương Lê Lợi (1417-1427)⁽²⁾; đền thờ Chiêu Trưng thờ tướng quân Lê Khôi - người từng lập nhiều võ công hiển hách trong sự nghiệp chống ngoại xâm và mở mang lãnh thổ Đại Việt về phía Nam đầu thế kỷ XV⁽³⁾; đền Cờn thờ Tứ vị Thánh nương, được các vương triều quân chủ nước ta ban sắc phong là: “*Đại Càn Quốc gia Nam Hải Thánh Mẫu Thượng đẳng thần*”⁽⁴⁾. Khi

tiến hành nghi lễ, đông đảo nhân dân xưa nay thường tôn kính xưng: *Kính lạy Đại Càn Quốc gia Nam Hải Thánh Mẫu Thượng Thượng Thượng đẳng tối linh chi thần...*

Nguồn thư tịch cổ, các bộ chính sử, địa lý học lịch sử, thơ văn, các công trình nghiên cứu, bài viết được công bố có nội dung liên quan từ thời nhà Trần đến nay, cho biết một số nội dung như: nguyên nhân, thời gian xây dựng, chủ thần được thờ tại đền, sự linh thiêng, vị thế, giá trị lịch sử - văn hóa... của đền Cờn ở xứ Nghệ trong tín ngưỡng thờ thần nói chung, tín ngưỡng thờ Tứ vị Thánh Nương nói riêng. Cụ thể:

Theo sách: *Việt điện u linh tập* do Lý Tế Xuyên biên soạn vào năm Khai Hựu thứ nhất (1329) đời vua Trần Minh Tông gồm 28 truyện: *Lịch đại quân nhân: vua các đời; Lịch đại phụ thần: bề tôi các đời; Hạo khí anh linh: sự tích linh thiêng*; đến thế kỷ XV, Nguyễn Văn Chát soạn: *Tục Việt điện u linh tập*, bổ sung thêm 4 truyện, trong đó có truyện *Càn Hải môn từ*, cho biết một số nội dung liên quan đến đền Cờn và các vị thần được thờ tại ngôi đền linh thiêng bậc nhất xứ Nghệ như sau: “Trong năm Thiệu Bảo thứ nhất (1279), đời vua Trần Nhân Tông, bên Trung Quốc, Trương Hoàng Phạm đem quân đánh úp quân Tống ở Nhai Sơn. Quân Tống bị tan vỡ, Tả thừa tướng là Lục Tú Phu ôm Đế Bính cùng nhảy xuống biển, tướng sĩ nhà Tống chết đuối hơn 10 vạn người. Ba mẹ con phu nhân ôm lấy cột buồm của một chiếc thuyền, trôi dạt đến một ngôi chùa bên bờ biển. Sư chùa thương, bèn cho mẹ con vào ở trong chùa và nuôi cho ăn. Được mấy tháng, ba mẹ con khi đã lại sức, trở nên béo tốt, vẻ mặt phu nhân coi

tuyệt đẹp. Sư động lòng muốn tư thông, bị phu nhân cự tuyệt. Sư xấu hổ, gieo mình xuống bể chết. Mẹ con phu nhân cùng khóc rằng: “Chúng ta vì sư mà được sống, nay sư vì chúng ta mà phải chết, sao nỡ yên tâm”. Rồi ba mẹ con đâm đầu xuống bể mà chết cả, xác trôi đến Cờn Hải, thuộc huyện Quỳnh Lưu, phủ Diễn Châu, vẻ mặt vẫn tươi như lúc còn sống. Thổ dân lấy làm lạ, vớt lên táng, thấy hiển linh mới lập đền thờ. Phàm những thuyền đi bể, gặp khi sóng gió nguy hiểm, kêu cầu đều được thoát nạn. Sau các nơi cửa bể đều lập đền thờ, đền nào cũng rất thiêng”⁽⁵⁾.

Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê khi biên soạn: *Đại Việt sử ký toàn thư*, phần chép về Kỷ nhà Trần, đời vua Trần Anh Tông (1293-1314) cho biết về nguyên nhân, thời gian xây dựng, chủ thần tại đền Cờn như sau: “Lập đền thờ ở cửa biển Càn Hải. Trước đây vua đi đánh Chiêm Thành, đến cửa biển Càn Hải (trước là Càn, tránh tên kỵ húy đổi là Càn), đóng quân lại, đêm nằm mơ thấy một thần nữ khóc lóc nói với vua: “Thiếp là cung phi nhà Triệu Tống, bị giặc bức bách, gặp phải sóng gió, trôi dạt đến đây. Thượng đế phong thiếp làm thần biển đã lâu. Nay bệ hạ mang quân đi, thiếp xin giúp đỡ lập công”. Tỉnh dậy, vua cho gọi các bô lão tới hỏi sự thực, cho tế, rồi lên đường. Biển vì thế không nổi sóng. Quân nhà vua tiến thẳng tới thành Đồ Bàn, bắt được chúa Chiêm đem về. Đến nay, sai hữu ty lập đền, bốn mùa cúng tế”⁽⁶⁾.

Quốc sử quán triều Nguyễn, khi biên soạn: *Đại Nam nhất thống chí*, phần tỉnh Nghệ An, mục *Đàn miếu*, chép về đền Cờn như sau: “Đền thần cửa Cờn: ở địa phận xã Hương Càn, huyện Quỳnh Lưu khoảng niên hiệu Trường Hưng nhà Tống, quân Tống bị quân Nguyên đánh vỡ ở Nhai Sơn. Thái hậu họ Dương cùng ba công chúa chạy ra biển, chợt bão nổi, bị chết đuối, xác trôi dạt vào cửa Cờn, nhan sắc vẫn như lúc sống, người địa phương lập đền thờ. Xét sử chép rằng: năm Trần Hưng Long

thứ 12, vua Anh Tông thân đi đánh Chiêm Thành, thuyền qua Cửa Cờn, đêm nhà vua mộng thấy thần nhân báo rằng: “Thiếp là cung phi nhà Tống, vì giặc bức bách, lênh đênh sóng gió, trôi dạt đến đây, Thượng đế sắc phong làm thần biển đã từ lâu, nay xin giúp công để thánh thượng đánh giặc”. Nhà vua tỉnh giấc, sai làm lễ cúng tế. Ra đi, mặt biển yên lặng, kéo quân đến thành Chà Bàn, thắng trận lớn. Khi trở về, hạ lệnh gia phong là: “*Quốc gia Nam hải Đại càn Thánh nương*”, lại sửa đền thờ thêm rộng rãi. Năm Hồng Đức thứ nhất, vua Lê Thánh Tông thân đi đánh Chiêm Thành, thuyền qua cửa Cờn, vào đền mặt đảo, khi ra đi, được sóng yên, biển lặng, kéo quân đến thắng Chiêm Thành, được đại thắng; khi kéo quân về, thuyền ngự đã qua cửa Biện, chợt có gió đông nổi lên, buồm thuyền theo chiều gió quay lại, thành ra lại trở lại dưới đền. Nhà vua bèn hạ lệnh thăng phẩm trật thần và dựng thêm đền miếu, nhân đây

gọi chỗ thuyền quay lại là Hồi châu. Thần được lịch triều phong tặng và bản triều gia phong, nay trong cả nước có nhiều đền thờ”⁽⁷⁾.

Phan Huy Chú, khi biên soạn: *Lịch triều hiến chương loại chí*, phần *Dư địa chí*, mục Cổ tích, phủ Diễn Châu, viết về đền Cờn Hải: “Ở cửa Cờn Hải, huyện Quỳnh Lưu. Tương truyền ngày xưa có ba mẹ con công chúa nhà Nam Tống chết đuối ở biển trôi dạt đến đây, hình dáng còn nguyên như lúc sống, nhân dân ở đây lấy làm lạ, đưa đi chôn cất cẩn thận. Về sau, khi Trần Thánh Tông đi đánh giặc ở phía Nam, đóng quân ở cửa biển, đêm nằm thấy có người con gái báo mộng rằng: “*Thiếp là con gái họ Triệu, vì sóng gió nên bị chết đuối. Thượng đế cho làm thần ở biển này đã lâu. Nay thấy nhà vua đi đánh phía Nam, thiếp xin giúp*”. Hôm sau, nhà vua cho hỏi những người già ở đây, được biết rõ chuyện, cho tế lễ. Đến khi vua đi, biển im không có sóng. Vua mới sai lập đền thờ. Từ đây về sau vẫn linh thiêng lắm, miếu hiệu là Thánh Nương, thờ làm Thượng đẳng thần...”⁽⁸⁾.

Căn cứ vào các nguồn tài liệu hiện có, đền Cờn được xây dựng dưới thời vua Trần Anh Tông (1293-1314) để trả ơn cho vị nữ thần có nguồn gốc “*Thiếp là cung phi nhà Triệu Tống*” được Ngọc Hoàng



Lễ hội Đền Cờn

Thượng đế phong cho làm thần biển đã lâu từng giúp nhà vua trong cuộc hành binh mở đất về phương Nam. Tài liệu cũng cho biết, vị thần biển đó chính là Dương Thái hậu vợ vua Tống Độ Tông. Đền Cờn còn hợp thờ vua Tống Đế Bính cùng hai công chúa và các trung thần là Lục Tú Phu, Trương Thế Kiệt⁽⁹⁾.

Như vậy vị chủ thần được thờ ở đền Cờn, có nét khác biệt so với các vị chủ thần được thờ tại ba ngôi đền thiêng bậc nhất ở xứ Nghệ là: vị chủ thần thờ tại đền Quả Sơn, đền Bạch Mã và đền Chiêu Trưng đều là các anh hùng dân tộc đã dành trọn cuộc đời cho dân, cho nước, gắn với tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc của người Việt suốt trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước từ thời Hùng Vương dựng nước Văn Lang cho đến tận ngày nay; trong khi vị chủ thần tại đền Cờn là Dương Thái hậu nhà Tống được Ngọc Hoàng Thượng đế phong làm thần biển - gắn với tín ngưỡng thờ Tứ vị Thánh Nương - là một trong những loại hình tín ngưỡng khá phổ biến được các thế hệ cư dân tiếp nối ở vùng đồng bằng ven biển từ Quảng Ninh, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình... lập hàng trăm đền thờ, tôn kính phụng thờ hương khói suốt nhiều thế kỷ qua.

Gạt bỏ các yếu tố mang tính huyền tích, huyền sử liên quan đến vị chủ thần và các vị thần được hợp thờ tại đền Cờn, ta thấy: việc nhân dân làng Phương Cần vớt xác hoàng hậu, hai công chúa nhà Tống gặp nạn, lên chôn cất, lập đền thờ, cư dân ở vùng đồng bằng ven biển xứ Nghệ, rộng hơn là các vương triều quân chủ tiếp nối từ nhà Trần (1225-1400), đến Lê Sơ (1427-1527)...

lập đền thờ, sắc phong, ban thêm mỹ tự cho thần, cho xây dựng, trùng tu, sửa chữa hàng trăm đền thờ Tứ vị Thánh Nương từ Quảng Ninh vào tận Quảng Bình và các tỉnh Nam Trung bộ trong những khoảng thời gian khác nhau đã thể hiện tinh thần nhân đạo, tinh thần hòa hiếu, tính nhân văn sâu sắc của dân tộc Việt Nam trong suốt tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước suốt hàng ngàn năm qua. Trên thực tế, vương triều nhà Tống từng phát động chiến tranh xâm lược quốc gia Đại Cồ Việt vào năm 980, Đại Việt vào năm 1075-1077, nhưng đều bị vương triều Tiền Lê (980-1009), vương triều Lý (1009-1225) đánh bại. Vương triều nhà Lý mà trực tiếp là Thái úy Lý Thường Kiệt, với tinh thần nhân đạo cao cả đã mở đường hiếu sinh để Quách Quỳ, Triệu Tiết dẫn hàng vạn bại binh về nước vào năm 1077. Hai trăm năm sau, khi vương triều nhà Tống sụp đổ, giang sơn bị quân Mông Cổ chiếm đoạt, vua, hoàng hậu, trung thần chết thảm, trôi dạt ra biển, chính ngư dân làng Phương Cần, rộng hơn là dân tộc Việt Nam đã mở lòng nhân từ, lo chu toàn mọi thứ. Thực tiễn lịch sử đó cho thấy cốt lõi trong cốt cách, tâm hồn của người Nghệ và dân tộc Việt Nam chính là tấm lòng nhân từ, tinh thần bao dung, hòa hiếu thấm sâu vào máu thịt từ những ngư dân bình dị sinh cơ, dựng nghiệp ở các cửa sông, lạch biển, thường ngày phải đối mặt với bao hiểm nguy, thách thức để mưu sinh đến các bậc quân vương thế thiên hành đạo, ngày đêm lo việc an dân, xây nền thái bình, bảo vệ giang sơn xã tắc trước muôn vàn mưu sâu kế hiểm của ngoại xâm, nội phản.

2. Tín ngưỡng thờ Tứ vị Thánh nương là một trong những loại hình tín ngưỡng phổ biến ở nhiều tỉnh, thành trong cả nước. Theo một số công trình nghiên cứu được công bố mà chúng tôi tiếp cận được, riêng các huyện ven biển thuộc tỉnh Thanh Hóa đã có hơn 70 đền thờ Tứ vị Thánh Nương thành phố Hải Phòng có 26 đền thờ Tứ vị Thánh Nương,... PGS Ninh Viết Giao trong công trình:

“Tục thờ thần và thần tích Nghệ An” cho rằng các làng xã ven biển Nghệ An có 30 làng xã ven biển từ Quỳnh Lưu, thị xã Hoàng Mai, Diễn Châu, Nghi Lộc, thị xã Cửa Lò... lập đền thờ Tứ vị Thánh nương⁽¹⁰⁾.

Theo số liệu thống kê của Phòng Di sản thuộc Sở Văn hóa Thông tin Nghệ An, trong tổng số 2.602 di tích, dấu tích, danh lam thắng cảnh trên địa bàn toàn tỉnh Nghệ An đã được thống kê, lập hồ sơ khoa học, có 47 di tích, dấu tích đền, miếu thờ, hợp thờ Tứ vị Thánh nương. Số liệu của Phòng Di sản thuộc Sở Văn hóa Thông tin Hà Tĩnh cho biết, trong tổng số 1.807 di tích, danh lam thắng cảnh đã được khảo sát, đã đang lập hồ sơ khoa học trên địa bàn 13 huyện, thị, thành phố của tỉnh Hà Tĩnh, có 36 di tích, dấu tích, phước tích đền thờ Tứ vị Thánh nương trong những khoảng thời gian khác nhau và được trùng tu, sửa chữa nhiều lần⁽¹¹⁾.

Nhưng, điều quan trọng là từ lâu các

thế hệ cư dân vùng biển trong một phạm vi không gian địa lịch sử - văn hóa rộng lớn trải dài từ Hải Phòng vào tận Quảng Bình vẫn tâm niệm: Đền Cờn thuộc làng Phương Cần nay thuộc phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, ngày nay là đền thờ chính thờ chủ thần Tứ vị Thánh nương. Điều này góp phần lý giải vì sao trước/trong/sau lễ hội đền Cờn vẫn có tới hàng vạn lượt người ở hầu khắp các tỉnh thành trong cả nước và không ít người Việt sinh sống ở nước ngoài đến đền Cờn dâng hương, văn cảnh, cầu xin chủ thần Đại Càn quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương và một số vị thần được phối thờ tại đền Cờn (cả đền Trong và đền Ngoài) mang lại cho bản thân, gia đình... những điều may mắn, an lành, thịnh vượng trong suốt một năm.

3. Khác với hệ thống đền thờ các vị Nhân thần, Nhiên thần, nhất là đền thờ Tứ vị Thánh nương ở xứ Nghệ, cũng như ở một số tỉnh thành khác trong cả nước, đền Cờn tại làng Phương Cần xưa, bao gồm hai ngôi đền: Đền Trong (còn có tên gọi là Cờn Tây) tọa lạc tại vùng đất thiêng Gò Diệc, mặt ngoảnh ra dòng sông Mai Giang/ Hoàng Mai, gần Cửa Cờn/lạch Cờn hay tiếng địa phương gọi là Cửa Tráp (tọa sơn, hướng thủy, sơn hồi, thủy tụ... theo thuyết phong



Đền Cờn thu hút đông du khách trong và ngoài tỉnh

thủy của người xưa). Đền được xây dựng dưới thời vua Trần Anh Tông và được trùng tu, sửa chữa, mở rộng, xây thêm các hạng mục công trình quy mô, bề thế, dưới thời vua Lê Thánh Tông (1460-1497), sau sự kiện nhà vua dẫn đại binh vào Nam để mở rộng biên cương lãnh thổ, đại thắng trở về. Dưới thời Mạc và thời Lê Trung Hưng, thời Nguyễn, đền Trong còn được trùng tu, sửa chữa nhiều lần. Qua các bức ảnh chụp và mô tả của H.LeBreton. trong công trình: *Le Vieux An Tinh* vào những năm 30 của thế kỷ trước, ta thấy đền Trong vẫn còn lưu giữ được nhiều nét kiến trúc, điêu khắc, chạm trổ tinh tế, đồ tế khí, các tượng voi, ngựa, bi ký, ... mang đậm dấu ấn thời kỳ lịch sử quân chủ Việt Nam⁽¹²⁾.

Trong khi đó, đền Ngoài được xây dựng dưới thời vua Lê Thánh Tông (1460-1497) cách đền Trong khoảng 1km, tọa lạc trên núi Thần Lăn, có độ cao 100m so với mực nước biển, sát cửa biển lạch Cờn. Mặt trước của đền Ngoài hướng ra biển Đông. Kiến trúc đền Ngoài khá độc đáo so với kiến trúc đền miếu thường thấy ở Nghệ An, Hà Tĩnh và một số tỉnh thành khác với hai tòa nhà dọc đối nhau qua một tòa ngang, giống như chữ Thập. Song song với Tiền môn là hai dãy tả - hữu mạc, dấu tích điêu khắc đá của các nghệ nhân dân gian xưa còn giữ được tại đền Ngoài bao gồm: hai con rồng đá, một đôi nghê đá, một đôi voi đá nằm châu sau nghi môn để cấm tà, lọng; hai tượng quan hậu, hai tượng người Chăm đang quỳ dâng rượu, hai con hổ đá...

Việc xây dựng đền Ngoài: “*Nhà vua bèn hạ lệnh thăng phẩm trật thần và*

dựng thêm đền miếu, nhân đấy gọi chỗ thuyên quay lại là Hồi châu. Thần được lịch triều phong tặng và bản triều gia phong”; dưới thời Lê Sơ (1427-1527), khi mà chế độ quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền đạt đến đỉnh cao, góp thêm một tư liệu quý để khẳng định về vị thế độc tôn và tầm ảnh hưởng sâu rộng của Nho giáo đối với đời sống văn hóa tinh thần của mọi giai tầng trong xã hội Đại Việt. Tình trạng hợp thờ Dương hoàng hậu nhà Tống, hai công chúa, vua Đế Bính cùng một số trung thần nhà Tống tồn tại từ thời vua Trần Anh Tông đến thời vua Lê Thánh Tông (1460-1497) được phân định rõ ràng. Nho giáo, Phật giáo hòa đồng với tín ngưỡng dân gian, song song tồn tại từ thế kỷ này đến thế kỷ khác tạo nên một bức tranh đa chiều trong đời sống văn hóa tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân, góp phần quan trọng trong việc hình thành, phát triển những giá trị văn hóa - văn minh độc đáo, đặc sắc của dân tộc mà các nhà nghiên cứu gần đây thường gọi là sức mạnh mềm Việt Nam. Trong phạm vi giới hạn không gian địa lý hẹp hơn, không gian địa lịch sử - văn hóa linh thiêng của đền Cờn được mở rộng và được các thế hệ người Nghệ gìn giữ cho đến tận ngày nay thực sự là điều đáng để suy ngẫm trong công cuộc xây dựng, phát triển, phát huy những giá trị văn hóa - văn minh của dân tộc trong bối cảnh hội nhập toàn cầu và bùng nổ cách mạng công nghệ ngày nay.

4. Vì nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, từ nửa sau thế kỷ XX, hệ thống đình, đền chùa, miếu mạo trên đất Nghệ An bị tháo dỡ, xuống cấp, hư hỏng, chuyển mục đích sử dụng, chiến tranh tàn phá... lần lượt trở thành phế tích, thậm chí không ít đình, đền, chùa, miếu mạo chỉ còn lại dấu tích, hoặc tên gọi. Đền Cờn cũng nằm trong bối cảnh chung đó. Bước vào công cuộc đổi mới đất nước, bên cạnh những thành tựu to lớn về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng..., công cuộc phục hưng hệ thống đình, đền chùa miếu mạo ở tất cả các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Nghệ An cũng đạt

được nhiều thành tựu bước đầu. Đền Cờn, đền Quả Sơn, đền Bạch Mã, đền Cuông, đền thờ vua Mai, đền thờ Đức Hoàng, đền Đức Ông Hoàng Mười... đều được các cấp chính quyền cùng các ban ngành liên quan, doanh nghiệp, doanh nhân, nhà hảo tâm và đông đảo các tầng lớp nhân dân trong ngoài tỉnh chung tay góp sức trùng tu, phục dựng, xây mới nhiều hạng mục công trình. Cùng với đó, lễ hội truyền thống đền Cờn, đền Quả Sơn, đền Đức Hoàng, đền Cuông, đền vua Mai... cũng được phục hồi, thu hút hàng chục triệu lượt người từ khắp các tỉnh, thành trong cả nước tham gia trong suốt gần ba thập kỷ qua. Hiện thực lịch sử đó minh chứng cho những giá trị lịch sử - văn hóa, sức sống mãnh liệt, tầm ảnh hưởng sâu rộng của các lễ hội truyền thống được phục hồi trên vùng đất xứ Nghệ nói chung, lễ hội đền Cờn nói riêng đã hoàn toàn vượt ra khỏi phạm vi không gian địa lý của hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh đương đại để trở thành một phần trong kho tàng di sản văn hóa lễ hội truyền thống phong phú, đa dạng, đầy màu sắc của cả nước.

5. Thêm nhiều hạng mục công trình đã/đang được các cấp chính quyền địa phương, các doanh nghiệp, doanh nhân, nhà hảo tâm, đông đảo nhân dân trong ngoài tỉnh Nghệ An chung tay góp sức, đầu tư trùng tu, sửa chữa, hoặc xây mới hoàn toàn, uy nghi, bề thế tại không gian đền Trong và đền Ngoài. Lễ hội đền Cờn không còn tổ chức kéo dài từ ngày 21 thạp Chạp cho đến 21 tháng Giêng năm sau như trước mà chỉ tổ chức trong hai ngày 20 và 21 tháng Giêng âm lịch hàng

năm. Ngoài phần Lễ vẫn giữ được những nghi thức truyền thống, trong phần Hội, bên cạnh các trò chơi dân gian mang đậm dấu ấn văn hóa của cư dân vùng biển ở vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ, còn có nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao khác hấp dẫn, thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân trong ngoài tỉnh tham gia.

Điều quan trọng là từ cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, khi quá trình phục dựng đền Cờn và Lễ hội đền Cờn được các cấp chính quyền địa phương, các doanh nghiệp, doanh nhân, nhà hảo tâm, nhân dân ở nhiều vùng miền của cả nước chung tay, góp sức thực hiện, thì dòng người đến dâng hương, cầu xin những điều may mắn tại đền Cờn từ tháng Chạp đến hết tháng Ba âm lịch hàng năm tăng nhanh, nhất là những ngày Sóc, ngày Vọng trong các tháng. Không chỉ có cư dân vùng biển Thanh - Nghệ - Tĩnh mà số lượng công dân sinh cơ, dựng nghiệp tại các thành phố, đô thị, vùng núi, trung du khắp cả nước ngày càng đông. Người ta tin rằng: có thờ có thiêng. Những tháng đầu năm đến đền Cờn dâng hương để cầu cho bản thân, gia đình, gia tộc, dòng họ... được chủ thần Đại Càn quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương và các vị thần phối thờ phù hộ, độ trì để bốn mùa, tám tiết suốt 365 ngày trong năm gặp nhiều điều may mắn, gia đình thịnh vượng, an lạc, con cháu hiếu thảo, học hành tấn tới... Cuối năm, người ta lại đến đền Cờn để tạ lễ chủ thần Đại Càn quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương và các vị thần phối thờ đã mang lại cho bản thân, gia đình... trăm điều may mắn, sở cầu như sở nguyện trong suốt một năm.

Từ tín ngưỡng thờ chủ thần Đại Càn quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương của cư dân làng Phương Càn, rộng hơn là cư dân vùng biển Nam Thanh - Bắc Nghệ trong suốt nhiều thế kỷ trước, đền Cờn và lễ hội truyền thống đền Cờn trong mấy thập kỷ qua thực sự trở thành một trong những địa danh lịch sử - văn hóa, một địa chỉ tâm linh có sức lan tỏa rộng lớn, ảnh hưởng sâu đậm đến đời sống văn hoá

tin thần của mọi tầng lớp nhân dân trong và ngoài không gian địa lịch sử - văn hóa xứ Nghệ. Vấn đề nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Tứ vị Thánh nương trên địa bàn hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh nói chung và tại đền Cờn thuộc thị xã Hoàng Mai nói riêng từ góc độ lịch sử, nhân học, văn hóa học, xã hội học, dân tộc học... đã/đang thực sự trở thành một trong những vấn đề cấp thiết cả trước mắt cũng như lâu dài.

Ông cha xưa khẳng định: “*Thanh cậi thế, Nghệ cậi thần*”, hệ thống đền thờ các vị Nhân thần và Nhiên thần trong không gian văn hóa xứ Nghệ được ông cha xây dựng ở hầu khắp các làng xã ở vùng đồng bằng ven biển đến trung du miền núi. Theo dòng thời gian, mỗi vị thần, mỗi đền thờ các vị thần thánh đều gắn liền với bao huyền tích, huyền sử về tính thiêng, về sự hiển linh của các Ngài để hộ quốc, an dân, mang lại những điều tốt đẹp cho trăm họ, muôn dân. Tín ngưỡng thờ Tứ vị Thánh nương của cư dân vùng biển từ Quỳnh Lưu vào tận Kỳ Anh từ xưa tới nay song song đồng hành với tín ngưỡng thờ các Anh hùng dân tộc cũng như tín ngưỡng thờ Thần hoàng làng, thờ thần sông, thần núi, thần mây mưa, sấm sét,... tín ngưỡng thờ ông bà tổ tiên, thực sự tạo nên một bức tranh đa chiều trong đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của dân tộc Việt Nam nói chung cộng đồng cư dân xứ Nghệ nói riêng. Nghiên cứu, làm rõ những giá trị lịch sử - văn hóa của tín ngưỡng thờ Đại Càn quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương ở Đền Cờn nói riêng và các loại hình tín ngưỡng khác trong không gian văn hóa xứ Nghệ đến thời điểm hiện tại dường như chỉ mới bắt đầu./.

Chú thích:

1. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Sử học, UBND huyện Đô Lương, *Uy Minh Vương Lý Nhật Quang với Nghệ An*, Nxb Nghệ An, 2010; Nguyễn Quang Hồng, *Uy Minh Vương Lý Nhật Quang trong tâm thức người Nghệ*, Nxb Nghệ An (tái bản lần thứ nhất), 2022.
2. Đào Tam Tĩnh, *Lễ hội đền Bạch Mã*, bài đăng trong sách, Thanh Chương đất và người, Sở Văn hóa Thông tin Nghệ An, 2005, tr 293-297.
3. Bia dẫn tích tại đền thờ tướng quân Lê Khôi, ở xã Đình Bàn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh và *Hồ sơ khoa học đền thờ Lê Khôi*, do Sở Văn hóa thông tin Hà Tĩnh lập, Phòng Di sản thuộc Sở Văn hóa Thông tin Hà Tĩnh cung cấp.
4. Thị ủy - HĐND - UBND Thị xã Hoàng Mai, Viện nghiên cứu văn hóa Thăng Long, TS Nguyễn Việt Chức (chủ biên), *Đền Cờn điểm đến Hoàng Mai*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2016; Ninh Việt Giao, *Tục thờ thần và thần tích Nghệ An*, Sở Văn hóa thông tin Nghệ An, 2000.
5. Dẫn theo bài viết: *Đền Cờn trong thư tịch cổ Việt Nam* của PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, in trong sách: *Đền Cờn điểm đến Hoàng Mai*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr 56-57.
6. Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb KHXH, H, 1998, tr98.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Nxb Thuận Hóa - Huế, 1992, tr 189-190.
8. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr81.
9. Lê Thuớc, Trương Chính, *Thơ chữ Hán của Nguyễn Du*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1978, tr 83.
10. Ninh Việt Giao, *Tục thờ thần và thần tích Nghệ An*, Sở Văn hóa Thông tin Nghệ An, 2000, tr88.
11. Số liệu do Phòng Di sản thuộc Sở Văn hóa Thông tin Nghệ An và Phòng Di sản thuộc Sở Văn hóa Thông tin Hà Tĩnh cung cấp.
12. H.Le Breton, *Le Vieux An Tinh*, bản tiếng Pháp, Hà Nội, 2001, tr 210-211.